



**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG**  
**REPORT ON CHANGE OF NET ASSET VALUE**

Tại ngày 21 tháng 07 năm 2022 / As at 21 Jul 2022

<b>1 Tên Công ty quản lý quỹ:</b> Fund Management Company:	<b>Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI</b> SSI Asset Management Company Limited
<b>2 Ngân hàng giám sát:</b> Supervisory bank:	<b>Ngân Hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)</b> Standard Chartered Bank (Vietnam) Limited
<b>3 Tên Quỹ:</b> Fund name:	<b>Quỹ Đầu tư Tăng Trưởng Dài Hạn Việt Nam</b> Vietnam Long Term Growth Fund (VLGF)
<b>4 Ngày lập báo cáo:</b> Reporting Date:	<b>Ngày 22 tháng 07 năm 2022</b> 22 Jul 2022

Đơn vị tính/ Currency: VND

STT No.	Chi tiêu Criteria	Mã số Code	Kỳ báo cáo This period	Kỳ trước Last period
<b>1</b>	<b>Giá trị tài sản ròng Net Asset Value</b>			
1.1	của quỹ/ of the Fund		2,140,721,283,995	2,127,902,282,593
1.2	của một lô chứng chỉ quỹ ETF/ per lot of Fund Certificate (không áp dụng/ not applicable)			
1.3	của một chứng chỉ quỹ/ per Fund Certificate		9,425.53	9,369.10
<b>2</b>	<b>Tỷ lệ sở hữu nước ngoài (không áp dụng đối với quỹ niêm yết) (*) Foreign Investors' Ownership Ratio (not applicable for listed fund) (*)</b>			
2.1	Số lượng chứng chỉ quỹ/ Number of Fund Certificates		221,345,815.45	221,345,815.45
2.2	Tổng giá trị/ Total value		2,086,301,623,898	2,073,811,079,533
2.3	Tỷ lệ sở hữu/ Ownership Ratio		97.46%	97.46%

(\*) Các chỉ tiêu này được xác định tại ngày chốt giá trị tài sản ròng.  
Those items are valued as at net asset value date.

**Đại diện có thẩm quyền của Ngân hàng giám sát**  
Authorised Representative of Supervisory Bank

**Đại diện có thẩm quyền của Công ty quản lý quỹ**  
Authorised Representative of Fund Management Company

**Ngân hàng TNHH MTV Standard Chartered (Việt Nam)**  
**Trịnh Hoài Nam**  
Phó Phòng Dịch vụ Quản trị và Giám sát Quỹ

**Công Ty TNHH Quản Lý Quỹ SSI**